

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 30/2020/DS-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh L tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Hữu P, sinh năm: 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện C Đ, tỉnh L.

- Bị đơn:

1/ Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1983(có mặt);

Địa chỉ: Ấp 1A, xã M, huyện C Đ, tỉnh L.

2/ Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện C Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tr: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp 1A, xã M, huyện C Đ, tỉnh L.

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Nguyễn Phương Th, sinh năm: 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện C Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Hữu P trình bày:

Anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr với chị Th, vợ anh P là bà con chú bác ruột với với nhau. Trong tháng 5 năm 2015, anh P có cho vợ chồng anh T, chị Tr vay tiền 3 lần với tổng số tiền 520.000.000 đồng để anh T, chị Tr bổ sung vốn kinh doanh vàng. Ngày của từng lần cho vay thì anh không nhớ rõ nhưng lần 1 anh cho vay 200.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng; lần 2 cho vay cách lần thứ nhất khoảng 10 ngày số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng và lần thứ 3 cho vay cách lần thứ 2 khoảng 07 ngày số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng; mỗi lần cho vay thì anh P trực tiếp đưa tiền cho anh T nhưng không có mặt chị Tr. Khi cho vay tiền do tin tưởng là bà con nên không làm giấy tờ gì. Hai lần đầu, anh T và chị Tr hứa trong vòng 01 tháng trả còn lần sau hứa sau 01 tuần sẽ trả đủ. Khi đến hạn trả tiền anh T không trả vốn và lãi cho anh P, anh P có đến nhà anh T yêu cầu anh T trả nợ nhưng vợ chồng anh T đã dọn nhà bỏ đi khỏi địa phương. Một thời gian sau anh có tìm hiểu và biết được địa chỉ làm việc của anh T nên tìm đến, nhờ chính quyền khu phố mời anh T ra và anh T có đến hòa giải tại khu phố 1, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây anh T có viết tờ cam kết ngày 28/6/2015 với nội dung anh T thừa nhận có nợ anh P số tiền 520.000.000 đồng và hứa trong vòng 01 tháng sẽ đưa trước 150.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả trong 03 năm, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng nhưng anh T không thực hiện theo tờ cam kết mà cố tình lẩn tránh nên anh đến nhà cha vợ anh T tìm và đòi nợ. Ngày 21/10/2015, 03/11/2015 và 11/11/2015 thì cha vợ của anh T là ông Nguyễn Văn Khiêm có trả cho anh P được số tiền 75.000.000 đồng và kêu anh viết biên nhận. Và từ đó cho đến nay anh T vẫn không trả cho anh bất kì khoản vốn và lãi nào.

Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh P số tiền vốn vay là 445.000.000 đồng (520.000.000 đồng - 75.000.000 đồng mà cha vợ anh T đã trả thay); tiền lãi tính từ ngày 28/6/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng. Việc anh T trình bày chỉ vay của anh 150.000.000 đồng và anh T trả lãi đầy đủ cho anh P từ năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 là không đúng.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh T và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Anh T không đồng ý với lời trình bày của anh P về việc anh P cho rằng vợ chồng anh T vay của anh P số tiền 520.000.000 đồng. Anh T thừa nhận chữ viết, chữ ký tên và viết họ tên trong tờ cam kết ngày 28/6/2015 anh P nộp tại Tòa án do anh T viết với nội dung anh T thừa nhận có nợ anh P số tiền 520.000.000 đồng và hứa trong vòng 01 tháng sẽ đưa trước 150.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả trong 03 năm, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Anh T xác nhận, anh viết tờ cam kết tại trụ sở khu phố 1, phường Tân Tạo, có sự chứng kiến của anh Lê Việt Hoàng là người nằm trong ban điều hành khu phố. Nội dung tờ cam kết anh T

viết theo nội dung anh P đọc nhưng do anh P ép buộc, gây áp lực nên anh T mới viết.

Anh T thừa nhận vợ chồng anh T chỉ vay của anh P 03 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng, vay trong năm 2013. Khi vay tiền, do quan hệ bà con nên cũng không làm giấy tờ gì. Lãi suất anh P cho anh T vay từ 10% - 30%/tháng cho mỗi lần vay và anh T trả lãi đầy đủ cho anh P từ năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 thì ngưng còn số tiền lãi đã trả là bao nhiêu anh không nhớ; việc trả lãi không lập thành giấy tờ, văn bản gì, không có chứng cứ để anh T chứng minh cho việc trả lãi. Anh chỉ nhớ năm 2014, anh có nhờ anh Tâm đi trả tiền lãi cho anh P 12 lần là 360.000.000 đồng và nhờ anh Hậu đi trả lãi cho anh P 01 lần là 30.000.000 đồng. Mặc dù anh P không thừa nhận anh P nhận lãi của anh T từ anh Tâm và anh Hậu nhưng anh T cũng xác nhận anh không có yêu cầu gì đối với anh Hậu và anh Tâm về số tiền anh đưa cho anh Hậu và anh Tâm trả lãi cho anh P thay anh. Mục đích anh T vay tiền của anh P về để mua vàng gia công, thu nhập từ việc kinh doanh vàng anh T dùng để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình.

Do vợ chồng anh chỉ vay của vợ chồng anh P số tiền 150.000.000 đồng, cha vợ anh đã trả nợ thay anh cho anh P số tiền 75.000.000 đồng và anh đã trả lãi cho anh P từ năm 2013 đến tháng 5/2015 rất nhiều, trung bình mỗi tháng 30.000.000 đồng nên vợ chồng anh chỉ đồng ý trả cho anh P tiền còn nợ là 75.000.000 đồng, khi nào có tiền sẽ trả; phần lãi anh không đồng ý trả nữa mà trừ vào tiền lãi đã trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Nguyễn Phương Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị Th là vợ của anh Đặng Hữu P, nguồn tiền mà anh P cho vợ chồng chị Tr, anh T vay là tài sản chung của chị và anh P nên nay chị cũng thống nhất như yêu cầu khởi kiện của anh P.

Người làm chứng anh Phạm Huỳnh Tâm có lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C Đ như sau: Giữa anh Tâm với anh Đặng Hữu P, Huỳnh Thanh T là bạn chơi chung, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2014 anh T có kể cho anh Tâm nghe anh T vay tiền của anh P, số tiền 150.000.000 đồng. Hằng tháng anh T trả tiền lãi cho anh P và mỗi lần trả lãi đều đưa tiền cho anh Tâm nhờ anh Tâm đến tiệm điện thoại của anh P trả giùm, số tiền trả lãi mỗi tháng là 30.000.000 đồng, trong năm 2014 trả tổng cộng 12 lần. Khi đến tiệm điện thoại của anh P thì anh Tâm gặp và đưa tiền trực tiếp cho anh P, không có ai chứng kiến và anh P nhận tiền mà không có biên nhận gì. Anh được nghe anh T nói anh P cho anh T vay tiền với lãi suất 30%/tháng, còn anh T vay của anh P bao nhiêu tiền thì anh Tâm không biết.

Người làm chứng anh Huỳnh Công Hậu có lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C Đ như sau:

Giữa anh Hậu với anh Huỳnh Thanh T có quan hệ là bà con với nhau, từ trước đến nay anh Hậu không có mâu thuẫn gì với anh T và anh P. Khoảng năm 2015 anh Hậu có đi chung với anh T đến tiệm điện thoại của anh P để trả tiền lãi cho anh P và được nghe anh T nói có vay của anh P 150.000.000 đồng. Anh Hậu có đi chung với anh T khoảng 4 -5 lần, mỗi lần đi đều đứng bên ngoài chờ còn

anh T vô giao tiền trong nhà, đến khoảng giữa năm 2015 thì anh T có nhờ anh đi trả lãi cho anh P một lần, anh cầm số tiền 30.000.000 đồng anh T đưa để trả cho anh P, chỉ gặp một mình anh P và không có ai khác chứng kiến, anh P nhận tiền mà không có biên nhận gì. Anh được nghe anh T nói anh P cho anh T vay tiền với lãi suất 30%/tháng, còn anh T vay của anh P bao nhiêu tiền thì anh Hậu không biết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đều tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Th nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015.

Về nội dung, xét thấy: Anh Đặng Hữu P khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr trả tiền vốn vay còn nợ là 445.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn anh T, chị Tr chỉ đồng ý trả vốn vay còn nợ là 75.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ cam kết trả nợ được bị đơn thừa nhận do bị đơn tự viết nội dung, ký tên và viết họ tên thừa nhận có nợ tiền của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về lãi suất nên có căn cứ để chấp nhận. Bị đơn cho rằng chỉ vay của nguyên đơn 150.000.000 đồng và tiền lãi với số tiền lớn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Nguyễn Phương Th vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Đặng Hữu P khởi kiện anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền vốn vay và tiền lãi: Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị Tr chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh P, chị Th số tiền vốn vay là 445.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn anh T, chị Tr cho rằng chỉ vay của anh P số tiền 150.000.000 đồng, đã trả vốn được 75.000.000 đồng và trả lãi hàng tháng với lãi suất từ 10% - 30%, trung bình mỗi tháng trả lãi khoảng 30.000.000 đồng, vượt số tiền gốc nhiều lần nên chỉ đồng ý trả cho anh P tiền vốn là 75.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cho anh P nữa mà yêu cầu trừ vào tiền lãi đã trả.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh P phù hợp với tờ cam kết ngày 28/6/2015 mà anh P cung cấp cho Tòa án. Anh T thừa nhận tờ cam kết ngày 28/6/2015 do anh T tự viết nội dung và ký tên, viết họ tên nhưng do bị ép buộc nhưng không cung cấp được chứng cứ và đây chỉ là lời nói một phía của anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cung cấp người làm chứng là anh Phạm Huỳnh Tâm và anh Huỳnh Công Hậu. Anh Tâm và anh Hậu đều có lời khai tại Tòa án cho rằng hai người này trực tiếp chứng kiến anh T đến tiệm sửa điện thoại của anh P để trả lãi cũng như anh T đưa tiền cho anh Tâm 12 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng, đưa cho anh Hậu 30.000.000 đồng để anh Tâm, anh Hậu trực tiếp trả tiền lãi cho anh P. Xét thấy anh Tâm và anh Hậu đều có quan hệ là bạn, bà con với anh T, việc anh Tâm, anh Hậu biết anh T chỉ vay của anh P số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng cũng là do nghe anh T nói lại. Mỗi lần anh Tâm, anh Hậu trả lãi cho anh P giùm anh T đều không có biên nhận và không được anh P thừa nhận có nhận tiền lãi từ anh T cũng như từ anh Tâm, anh Hậu. Do đó lời khai của những người làm chứng anh Tâm, anh Hậu là không khách quan, không có cơ sở để xem xét làm chứng cứ. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh T về việc chỉ vay của anh P 150.000.000 đồng, đã trả tiền lãi từ năm 2013 đến tháng 5 năm 2015 và bị ép buộc khi viết tờ cam kết ngày 28/6/2015. Yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Anh P có yêu cầu vợ chồng anh T phải trả tiền lãi tính từ ngày 28/6/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (26/8/2020) với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy yêu cầu này của anh P phù hợp với quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc vợ chồng anh T, chị Tr phải có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền lãi là: $(445.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 61 \text{ tháng} 28 \text{ ngày}) = 275.603.000 \text{ đồng}$.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới: Anh T trình bày anh T vay tiền của anh P về để kinh doanh gia công vàng, thu nhập sử dụng để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình; việc này cũng được chị Tr xác nhận tại biên bản đối chất ngày 19/8/2020 nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc vợ chồng anh T, chị Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền nợ vay 445.000.000 đồng và tiền lãi là: 275.603.000 đồng; tổng cộng là: 720.603.000 đồng.

[3.3] Đối với tiền lãi anh T giao cho anh Tâm, anh Hậu để trả cho anh P nhưng anh P không thừa nhận; anh T không yêu cầu anh Tâm, anh Hậu phải trả

cho anh T số tiền lãi mà anh T giao cho anh Tâm, anh Hậu để trả cho anh P giữ anh T trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với ông Nguyễn Văn Khiêm đã trả cho anh P 75.000.000đồng thay cho chị Tr. Ông Khiêm không yêu cầu chị Tr trả lại mà để ông và chị Tr tự giải quyết với nhau nên không xét.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ là có căn cứ. Chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí: Vợ chồng anh T, chị Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước là 32.824.000đồng. Hoàn lại cho anh P 18.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008212 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Đ.

[5] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hữu P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với vợ chồng anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr.

Buộc vợ chồng anh Huỳnh Thanh T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Đặng Hữu P số tiền nợ vay 445.000.000đồng và tiền lãi 275.603.000đồng. Tổng cộng vốn lãi là 720.603.000đồng (Bảy trăm hai mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Vợ chồng anh T, chị Tr phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước là 32.824.000 đồng. Hoàn lại cho anh P 18.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008212 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Đ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, **đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C Đ;
- Chi cục THADS huyện C Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

